

Bản án số: **433/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 23/6/2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Mỹ Kiều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Quý
2. Ông Nguyễn Văn Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Hiền A – sinh năm 1958; Địa chỉ: 112 Y, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (*có mặt*).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1957; Địa chỉ: 112 Y, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đơn phương ly hôn đề ngày 28/10/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Lê Thị Hiền A trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ năm 1981, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận D theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01 ngày 28/4/1981. Sau

khi kết hôn, hai bên chung sống tại nhà số 44 Đồng Khởi, phường Bến Thành, Quận I; sau đó thì chuyển về số 112 Y, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Trong quá trình chung sống, hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông T có mối quan hệ với nhiều người phụ nữ khác. Bà đã cố chịu đựng, nhiều lần khuyên nhủ ông T nhưng ông T vẫn không thay đổi. Hai bên đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông T và muốn ổn định cuộc sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Tuấn N – sinh năm 1981 và Nguyễn Huy H – sinh năm 1996. Cả hai đã thành niên.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung: Bà A khai không có.

Bị đơn, ông Nguyễn Văn T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để cung cấp lời khai, thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Hiền A vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T vì trong thời gian hai bên chung sống không có hạnh phúc, vì con cái nên bà đã chịu đựng nhiều năm, tinh thần luôn mệt mỏi. Bà và ông T ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục. Cả hai con chung đã thành niên nên bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Bà A yêu cầu tự thỏa thuận với ông T, nợ chung bà A khai không có.

Ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn – bà Lê Thị Hiền A nộp đơn xin ly hôn với bị đơn là ông Nguyễn Văn T. Ông Nguyễn Văn T hiện đang cư trú tại 112 Y, Phường C, quận B Thành phố Hồ Chí Minh, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo qui định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn T không đến Tòa án để giải quyết mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập để trình bày ý kiến, thông báo tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T.

Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01 ngày 28/4/1981 của Ủy ban nhân dân Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân của bà Lê Thị Hiền A và ông Nguyễn Văn T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Trong quá trình chung sống, bà A và ông T đã có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai bên ly thân đã lâu nên khó có cơ hội hàn gắn tình cảm. Xét thấy, trong quan hệ vợ chồng giữa bà A và ông T không còn sự quan tâm, chia sẻ và tôn trọng nhau, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Phía bà A kiên quyết xin ly hôn, ông T không có mặt khi Tòa án triệu tập và cũng không có bất cứ ý kiến trình bày nào đối với yêu cầu ly hôn của bà A, thể hiện ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà A là có căn cứ nên chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Tuấn N – sinh năm 1981 và Nguyễn Huy H – sinh năm 1996. Cả hai đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Về nợ chung: Bà A khai không có. Ông T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có ý kiến về tài sản chung và tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016, bà A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Lê Thị Hiền A:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hiền A được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Tuấn N – sinh năm 1981 và Nguyễn Huy H – sinh năm 1996. Cả hai đã thành niên.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết.

- Về nợ chung: Bà A khai không có.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm do bà Lê Thị Hiền A phải nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được miễn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do bà A đã nộp theo biên lai số 0039868 ngày 07/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Lê Thị Hiền A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Mỹ Kiều